

Số: /TTr-BCA

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO 2

TỜ TRÌNH
Dự án Luật Cư trú (sửa đổi)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Bộ Công an xin báo cáo Chính phủ về dự án Luật Cư trú (sửa đổi) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG, BAN HÀNH LUẬT CƯ TRÚ (SỬA ĐỔI)

Tự do cư trú là một trong những quyền cơ bản của công dân đã được ghi nhận trong các bản Hiến pháp của Nhà nước ta và được cụ thể hóa trong các văn bản quy phạm pháp luật về cư trú với những quy định rõ ràng, cụ thể về điều kiện, thủ tục đăng ký cư trú; qua đó, tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho công dân được thực hiện quyền tự do cư trú, lựa chọn nơi cư trú.

Luật Cư trú năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú năm 2013 (sau đây gọi chung là Luật Cư trú) được ban hành đã đánh dấu bước tiến quan trọng trong công tác lập pháp của Nhà nước ta, tạo bước tiến mới trong việc từng bước hoàn thiện quy định của pháp luật về cư trú, đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội, yêu cầu quản lý dân cư, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, phục vụ có hiệu quả việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong từng thời kỳ. Trên cơ sở các quy định của pháp luật về cư trú, tổ chức bộ máy cơ quan đăng ký, quản lý cư trú của lực lượng Công an nhân dân ngày càng được củng cố, kiện toàn với đội ngũ cán bộ, cơ sở vật chất ngày càng được hoàn thiện; cơ sở dữ liệu về cư trú với hệ thống tàng thư hồ sơ hộ khẩu đồ sộ đã và đang đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác quản lý nhà nước về cư trú.

Tuy nhiên, trước yêu cầu nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự trong tình hình mới, yêu cầu quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân và chủ trương đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến đã đặt ra yêu cầu phải tiếp tục hoàn thiện pháp luật về cư trú; trong đó, việc xây dựng, ban hành Luật Cư trú (sửa đổi) là cần thiết với những lý do cụ thể sau đây:

Thứ nhất, bảo đảm tốt hơn nữa quyền tự do cư trú của công dân

Hiến pháp năm 2013 đã quy định quyền tự do cư trú, đi lại, giao dịch, quyền bầu cử, ứng cử, học tập, làm việc, sở hữu tài sản, quyền bất khả xâm

phạm về chỗ ở, về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân... là quyền con người, quyền công dân được Nhà nước công nhận, tôn trọng và bảo vệ. Quản lý cư trú có liên quan trực tiếp đến những quyền này; vì vậy, việc sửa đổi Luật Cư trú là để cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013 về bảo đảm quyền con người, quyền công dân liên quan đến quản lý cư trú theo hướng quy định công khai, minh bạch, đơn giản hóa giấy tờ, giảm thời gian, chi phí; xóa bỏ các thủ tục hành chính còn rườm rà, dễ bị lợi dụng để gây phiền hà cho người dân; qua đó, bảo đảm tốt hơn nữa việc thực hiện quyền tự do cư trú của công dân.

Thứ hai, góp phần nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự trong tình hình mới

Tình hình an ninh, chính trị thế giới, khu vực có những diễn biến phức tạp, khó lường, xung đột vũ trang, sắc tộc, tôn giáo, khủng bố quốc tế còn nhiều tiềm ẩn. Ở trong nước, các thế lực thù địch vẫn còn gây sức ép với Việt Nam về vấn đề dân chủ, nhân quyền, công khai tiếp xúc, hỗ trợ số đối tượng chống đối, thực hiện các hoạt động thâm nhập, tác động chuyển hóa nội bộ, tuyên truyền chống Việt Nam, kích động gây rối, bạo loạn nhằm gây mất ổn định chính trị - xã hội ở nước ta. Tình hình an ninh, trật tự trên các địa bàn Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ vẫn còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp, khó lường. Bên cạnh đó, tình hình tội phạm còn diễn biến phức tạp với tính chất tinh vi, táo bạo. Các loại tội phạm có tổ chức hoạt động theo kiểu xã hội đen, giết người, cờ bạc, buôn lậu, trộm cắp, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, mua bán người, chống người thi hành công vụ, đâm thuê, chém mướn, bảo kê, buôn bán ma túy, bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản, tội phạm có yếu tố nước ngoài, tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm do người chưa thành niên thực hiện... còn xảy ra ở nhiều nơi, hoạt động với tính chất côn đồ, hung hãn gây ra những hậu quả nghiêm trọng, xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe con người, gây lo lắng trong nhân dân.

Tại Nghị quyết số 111/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội khóa XIII về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm đã đề ra nhiệm vụ: *Thực hiện tốt công tác phòng ngừa xã hội, phát hiện, đấu tranh ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm; tạo chuyển biến rõ rệt về an ninh, trật tự, an toàn xã hội.* Do đó, để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được Quốc hội giao thì cần phải tăng cường hơn nữa công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự; trong đó, có công tác quản lý con người, quản lý về cư trú của công dân góp phần tích cực, có hiệu quả trong việc phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

Trước yêu cầu bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới, Đảng ủy Công an Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 10-NQ/ĐUCA ngày 08/01/2018 về nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, xây dựng lực lượng Công an nhân dân năm 2018 và những năm tiếp theo; theo đó, Nghị quyết đã đặt ra nhiệm vụ: Tăng cường quản lý cư trú, quản lý dân cư, góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự trong tình hình mới.

Thứ ba, thực hiện việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến công tác đăng ký, quản lý cư trú

Hiện nay, các quy định của Luật Cư trú về điều kiện, thủ tục đăng ký cư trú đã cụ thể, rõ ràng, tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho công dân thực hiện quyền tự do cư trú, lựa chọn nơi cư trú; tuy nhiên, về trình tự, thủ tục đăng ký cư trú còn mang tính thủ công, rườm rà, chưa đáp ứng yêu cầu cải cách thủ tục hành chính, nhất là sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết về bãi bỏ hình thức quản lý dân cư bằng sổ hộ khẩu, sổ tạm trú và thay thế bằng hình thức quản lý theo số định danh cá nhân cập nhật thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì việc thực hiện trình tự, thủ tục đăng ký cư trú cho công dân cũng cần có sự điều chỉnh cho phù hợp với hình thức quản lý mới cũng như yêu cầu quản lý dân cư trong tình hình mới; qua đó, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân khi thực hiện thủ tục đăng ký cư trú cũng như tạo ra sự chuyển biến căn bản trong quan hệ giải quyết thủ tục đăng ký cư trú giữa cơ quan nhà nước với người dân.

Tại Khoản 1 Mục I Phần B Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân ban hành kèm theo Nghị quyết số 112/NQ-CP ngày 30/10/2017 của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư đã giao Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan sửa đổi, bổ sung Luật Cư trú năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung Luật Cư trú năm 2013 để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại Mục VIII Phần A Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân; cụ thể:

- Bãi bỏ hình thức quản lý dân cư đăng ký thường trú bằng sổ hộ khẩu và thay thế bằng hình thức quản lý thông qua mã số định danh cá nhân. Từ đó, bãi bỏ kết quả giải quyết thủ tục là sổ hộ khẩu và thay thế bằng hình thức cập nhật thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú.

- Bãi bỏ hình thức quản lý dân cư tạm trú bằng sổ tạm trú và thay thế bằng hình thức quản lý thông qua mã số định danh cá nhân. Từ đó, bãi bỏ kết quả giải quyết thủ tục là sổ tạm trú và thay thế bằng hình thức cập nhật thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú.

- Bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần các thủ tục hành chính có nội dung liên quan đến sổ hộ khẩu, sổ tạm trú như: Tách sổ hộ khẩu; cấp đổi sổ hộ khẩu; cấp lại sổ hộ khẩu; điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu; xóa đăng ký thường trú; xác nhận việc trước đây đã đăng ký thường trú; hủy bỏ kết quả đăng ký thường trú trái pháp luật; cấp giấy chuyển hộ khẩu; cấp đổi sổ tạm trú; cấp lại sổ tạm trú; điều chỉnh những thay đổi trong sổ tạm trú; gia hạn tạm trú; hủy bỏ đăng ký tạm trú trái pháp luật.

Thứ tư, đáp ứng yêu cầu ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến trong công tác quản lý cư trú

Trong điều kiện đất nước ta đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chủ động hội nhập quốc tế, yêu cầu đặt ra là phải hiện đại hóa công tác quản lý cư trú theo hướng ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến,

phù hợp với xu hướng của các nước trên thế giới. Trong khi đó, khoa học, công nghệ trong đăng ký, quản lý cư trú ở nước ta còn lạc hậu, chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng tăng của công dân, chưa bảo đảm phục vụ tốt yêu cầu quản lý dân cư và hội nhập quốc tế; mặt khác, dữ liệu đăng ký, quản lý cư trú hiện nay chủ yếu được lưu trữ thủ công; việc cấp, quản lý, sử dụng giấy tờ về đăng ký, quản lý cư trú tuy có nhiều cố gắng cải tiến, sắp xếp hợp lý hơn nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân; do đó, cần quy định việc đăng ký, quản lý cư trú theo hướng ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến để vừa quản lý chặt chẽ dân cư, vừa góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ cho công dân và từng bước thực hiện Chính phủ điện tử.

Để đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến trong công tác quản lý cư trú, Đảng ủy Công an Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/ĐUCA ngày 01/8/2017 về tiếp tục hoàn thiện pháp luật về an ninh, trật tự đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; theo đó, Nghị quyết đặt ra yêu cầu: Sửa đổi, bổ sung Luật Cư trú để đẩy mạnh cải cách hành chính và ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý cư trú.

Từ những lý do nêu trên cho thấy, việc xây dựng, ban hành Luật Cư trú (sửa đổi) là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT CƯ TRÚ (SỬA ĐỔI)

1. Mục đích xây dựng dự án Luật

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật về cư trú bảo đảm phù hợp với chủ trương cải cách hành chính và tiến trình hội nhập, mở rộng giao lưu, hợp tác quốc tế trong điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xu thế hội nhập quốc tế hiện nay.

- Thực hiện chủ trương hiện đại hóa và đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến công tác quản lý dân cư; bảo đảm tốt hơn nữa tính công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho công dân thực hiện quyền tự do cư trú và tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về cư trú.

- Bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật quy định về các giấy tờ của công dân; đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội, góp phần phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội của đất nước.

2. Quan điểm chỉ đạo xây dựng dự án Luật

- Bảo đảm phù hợp với quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về quản lý cư trú và chủ trương đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư.

- Tạo khuôn khổ pháp lý hữu hiệu để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài vẫn còn quốc tịch Việt Nam trở về Việt Nam sinh sống, làm ăn; trình tự, thủ tục đăng ký đơn giản, thuận tiện, kịp thời, công khai,

minh bạch, không gây phiền hà, tiêu cực; đồng thời, bảo đảm cho công tác đăng ký, quản lý cư trú có hiệu quả trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo.

- Đổi mới hình thức quản lý cư trú trên cơ sở ứng dụng có hiệu quả thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến trong quản lý cư trú, bảo đảm tính khoa học, công khai, minh bạch và thuận tiện cho đăng ký, quản lý cư trú.

- Tổng kết đầy đủ, toàn diện thực tiễn thi hành pháp luật về cư trú để kế thừa các quy định của Luật Cư trú còn hợp lý và đang phát huy tác dụng tốt trong công tác đăng ký, quản lý cư trú; đồng thời, tiếp thu có chọn lọc pháp luật và kinh nghiệm quản lý cư trú của nước ngoài để vận dụng phù hợp với đặc điểm, điều kiện của Việt Nam.

- Quy định cụ thể các nội dung liên quan đến cư trú, hạn chế đến mức thấp nhất việc phải ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật để các cơ quan, tổ chức, cá nhân chấp hành Luật nghiêm chỉnh, kịp thời, thống nhất.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT CƯ TRÚ (SỬA ĐỔI)

Bộ Công an đã thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng dự án Luật Cư trú (sửa đổi). Các thành viên của Ban soạn thảo gồm đại diện các cơ quan Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

Ban Soạn thảo đã tiến hành các hoạt động triển khai nghiên cứu xây dựng dự án Luật Cư trú (sửa đổi) theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Dự án Luật đã được tổ chức lấy ý kiến của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân và Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Đồng thời, được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Bộ Công an để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Bộ Công an cũng đã tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm góp ý về dự án Luật với sự tham gia của các chuyên gia, các nhà khoa học và nhà quản lý. Các ý kiến đóng góp đã được tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình.

Dự án Luật Cư trú (sửa đổi) đã được Hội đồng thẩm định do Bộ Tư pháp thành lập tiến hành thẩm định và có Báo cáo thẩm định số:/BC-BTP ngày/.../2020. Bộ Công an đã nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, chỉnh lý dự án Luật và các tài liệu kèm theo để trình Chính phủ.

IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT

1. Về bố cục

Dự thảo Luật Cư trú (sửa đổi) gồm 07 chương, 41 điều, cụ thể như sau:

- Chương I (Những quy định chung) gồm 07 điều (từ Điều 1 đến Điều 7), quy định về: phạm vi điều chỉnh; giải thích từ ngữ; quyền tự do cư trú của công dân; nguyên tắc cư trú và quản lý cư trú; bảo đảm điều kiện thực hiện quyền tự

do cư trú và hoạt động quản lý cư trú; hợp tác quốc tế trong quản lý cư trú; các hành vi bị nghiêm cấm.

- Chương II (Quyền, trách nhiệm của công dân về cư trú) gồm 04 điều (từ Điều 8 đến Điều 11), quy định về: quyền của công dân về cư trú; các trường hợp bị hạn chế quyền tự do cư trú; trách nhiệm của công dân về cư trú; chủ hộ.

- Chương III (Nơi cư trú) gồm 09 điều (từ Điều 12 đến Điều 20), quy định về: nơi cư trú của công dân; nơi cư trú của người chưa thành niên; nơi cư trú của người được giám hộ; nơi cư trú của vợ, chồng; nơi cư trú của người học tập, làm việc, công tác trong lực lượng vũ trang; nơi cư trú của người làm nghề lưu động; nơi cư trú của người hoạt động tại cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo; nơi cư trú của người được nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo trợ; quản lý cư trú đối với người không đủ điều kiện đăng ký thường trú, tạm trú.

- Chương IV (Đăng ký thường trú) gồm 06 điều (từ Điều 21 đến Điều 26), quy định về: điều kiện đăng ký thường trú tại tỉnh; điều kiện đăng ký thường trú tại thành phố trực thuộc trung ương; thủ tục đăng ký thường trú; xóa đăng ký thường trú; thay đổi nơi đăng ký thường trú, điều chỉnh thông tin về nơi thường trú của công dân.

- Chương V (Đăng ký tạm trú, thông báo lưu trú, khai báo tạm vắng) gồm 03 điều (từ Điều 27 đến Điều 29), quy định về: đăng ký tạm trú; lưu trú và thông báo lưu trú; khai báo tạm vắng.

- Chương VI (Quản lý nhà nước về cư trú) gồm 09 điều (từ Điều 30 đến Điều 38), quy định về: trách nhiệm quản lý nhà nước về cư trú; trách nhiệm của Bộ Công an về quản lý cư trú; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong quản lý cư trú; trách nhiệm của cơ quan đăng ký, quản lý cư trú; người làm công tác đăng ký, quản lý cư trú; hủy bỏ việc đăng ký thường trú, tạm trú trái pháp luật; Cơ sở dữ liệu về cư trú; thu thập, lưu trữ, xử lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng dữ liệu về cư trú; khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm.

- Chương VII (Điều khoản thi hành) gồm 03 điều (từ Điều 39 đến Điều 41), quy định về: sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9 Luật Căn cước công dân; hiệu lực thi hành; quy định chi tiết.

2. Nội dung cơ bản

Trên cơ sở xác định mục tiêu, quan điểm chỉ đạo đối với việc sửa đổi Luật nêu trên, dự thảo Luật Cư trú (sửa đổi) gồm có một số nội dung sửa đổi chủ yếu sau:

2.1. Về phạm vi điều chỉnh, dự thảo Luật quy định theo hướng Luật này quy định về quyền tự do cư trú của công dân trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; nguyên tắc, điều kiện, trình tự, thủ tục đăng ký, quản lý cư trú; quyền, trách nhiệm của công dân, hộ gia đình, cơ quan, tổ chức về đăng ký, quản lý cư trú.

2.2. Về giải thích từ ngữ, đây là nội dung mới được bổ sung trong dự thảo Luật, trong đó quy định giải thích một số thuật ngữ quan trọng trong công tác đăng ký, quản lý cư trú gồm: Chỗ ở hợp pháp; chủ hộ; cư trú; đăng ký thường trú; đăng ký tạm trú; lưu trú; người không có nơi cư trú ổn định; nơi cư trú của công dân; nơi thường trú; nơi tạm trú; nơi thường xuyên sinh sống.

2.3. Về các nội dung liên quan đến quyền tự do cư trú của công dân; nguyên tắc cư trú và quản lý cư trú; bảo đảm điều kiện thực hiện quyền tự do cư trú và hoạt động quản lý cư trú; trách nhiệm quản lý nhà nước về cư trú; hợp tác quốc tế trong quản lý cư trú cơ bản được tiếp thu, giữ nguyên như quy định của Luật Cư trú hiện hành.

2.4. Về các hành vi bị nghiêm cấm cơ bản được giữ nguyên như quy định của Luật Cư trú hiện hành; trong đó, có chỉnh lý, lược bỏ một số nội dung liên quan đến sổ hộ khẩu tại các khoản 2, khoản 8 Điều 8 cho phù hợp với định hướng hình thức quản lý cư trú mới quy định tại dự thảo Luật.

2.5. Về quyền, trách nhiệm của công dân về cư trú: Bên cạnh các quyền theo luật hiện hành, dự thảo Luật bổ sung, lược bỏ một số quyền để phù hợp, thống nhất với quy định của các văn bản pháp luật có liên quan và hình thức quản lý cư trú mới. Theo đó, công dân được lựa chọn, quyết định nơi thường trú, tạm trú của mình phù hợp với quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan; được tra cứu thông tin về đăng ký cư trú của bản thân và cấp giấy tờ xác nhận về cư trú theo yêu cầu chính đáng của mình; được yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện biện pháp bảo vệ quyền cư trú của mình...

2.6. Về nơi cư trú của công dân: dự thảo Luật quy định nơi cư trú của công dân là nơi thường trú hoặc nơi tạm trú. Mỗi công dân chỉ được đăng ký thường trú tại một chỗ ở hợp pháp và là nơi thường xuyên sinh sống.

Chỗ ở hợp pháp có thể thuộc quyền sở hữu, sử dụng của công dân hoặc được cơ quan, tổ chức, cá nhân cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ theo quy định của pháp luật. Đối với chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn hoặc ở nhờ của cá nhân, tổ chức tại thành phố trực thuộc trung ương phải bảo đảm điều kiện về diện tích bình quân theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố.

2.7. Về những trường hợp không đăng ký thường trú khi công dân chuyển đến chỗ ở mới bao gồm:

(1) Chỗ ở nằm trong địa điểm cấm, khu vực cấm xây dựng hoặc lấn chiếm mốc giới bảo vệ công trình hạ tầng kỹ thuật, di tích lịch sử, văn hóa đã được xếp hạng;

(2) Chỗ ở mà toàn bộ diện tích nhà ở nằm trên đất lấn chiếm trái phép hoặc chỗ ở mà diện tích đất không đủ điều kiện xây dựng theo quy định;

(3) Chỗ ở đã có phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; chỗ ở là nhà ở mà một phần hoặc toàn bộ diện tích nhà ở đang có tranh chấp, khiếu nại liên quan đến quyền sở hữu, sử dụng nhưng chưa được giải quyết theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp những người

có quan hệ là ông, bà nội, ngoại, cha, mẹ, vợ, chồng, con chuyển đến ở với nhau);

(4) Chỗ ở bị kê biên, tịch thu để thi hành án, trưng mua theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

(5) Chỗ ở là nhà ở đã có quyết định phá dỡ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2.8. Về quy định nơi cư trú của người chưa thành niên, người được giám hộ, của vợ, chồng, của học viên, cán bộ, chiến sĩ Quân đội nhân dân và Công an nhân dân, của người làm nghề lưu động có một số chính lý cho phù hợp với thực tiễn như nơi cư trú của người làm nghề lưu động trên tàu, thuyền, phương tiện hành nghề lưu động khác là nơi đăng ký tàu, thuyền, phương tiện đó, trừ trường hợp họ có nơi cư trú theo quy định của Luật. Điều kiện đối với tàu, thuyền, phương tiện lưu động được sử dụng làm nơi đăng ký cư trú: (1) Phải có đăng ký bến gốc và đăng kiểm theo quy định của pháp luật; (2) Là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người đăng ký cư trú hoặc được thuê, mượn.

2.9. Về đăng ký thường trú: dự thảo Luật đã chỉnh lý, lược bỏ quy định về đăng ký thường trú bằng hình thức cấp sổ hộ khẩu theo định hướng của Nghị quyết số 112/NQ-CP ngày 30/10/2017 của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư. Theo đó, dự thảo Luật quy định trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thẩm định, cập nhật thông tin địa điểm thường trú mới của người đăng ký vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và thông báo cho người đăng ký về việc đã cập nhật thông tin đăng ký thường trú; trường hợp từ chối đăng ký thì phải trả lời cho người đăng ký bằng văn bản và nêu rõ lý do. Cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm cấp giấy xác nhận về nơi đăng ký thường trú cho công dân khi có yêu cầu.

2.10. Về xóa đăng ký thường trú: dự thảo Luật quy định các trường hợp xóa đăng ký cụ thể bao gồm: (1) chết, bị Tòa án tuyên bố là mất tích hoặc đã chết; (2) ra nước ngoài để định cư theo khai báo của công dân hoặc công dân có thời gian xuất cảnh ra nước ngoài từ trên 12 tháng liên tục mà không khai báo cho cơ quan quản lý cư trú nơi đăng ký thường trú; (3) đã có quyết định hủy đăng ký thường trú; (4) vắng mặt tại nơi đăng ký thường trú từ trên 12 tháng liên tục mà không khai báo cho cơ quan quản lý cư trú nơi đăng ký thường trú; (5) trường hợp được cho thôi, bị tước, bị hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam...

2.11. Về thay đổi nơi đăng ký thường trú, điều chỉnh thông tin về nơi thường trú của công dân: dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung quy định người đã đăng ký thường trú mà thay đổi chỗ ở hợp pháp, khi chuyển đến chỗ ở hợp pháp mới nếu có đủ điều kiện đăng ký thường trú thì trong thời hạn 12 tháng có trách nhiệm làm thủ tục thay đổi nơi đăng ký thường trú. Bên cạnh đó, đối với trường hợp công dân có thay đổi về họ, tên, chữ đệm, ngày, tháng, năm sinh hoặc các thay đổi khác về hộ tịch của người có tên trong địa chỉ nơi thường trú thì công

dân phải đến cơ quan quản lý cư trú để điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Trường hợp có thay đổi địa giới hành chính, đơn vị hành chính, đường phố, số nhà thì cơ quan quản lý cư trú có thẩm quyền căn cứ vào quyết định thay đổi địa giới hành chính, đơn vị hành chính, đường phố, số nhà của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

2.12. Về đăng ký tạm trú

Dự thảo Luật đã sửa đổi, bổ sung theo hướng thay thế quy định về quản lý, đăng ký tạm trú bằng hình thức sổ tạm trú bằng việc cập nhật thông tin về nơi đăng ký tạm trú của người đăng ký vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cấp giấy thông báo xác nhận về nơi đăng ký tạm trú cho công dân khi có yêu cầu.

Trường hợp người đã đăng ký tạm trú nhưng không sinh sống, làm việc, lao động, học tập từ 06 tháng trở lên tại địa phương đã đăng ký tạm trú thì cơ quan đã giải quyết đăng ký tạm trú phải cập nhật việc xóa đăng ký tạm trú của công dân vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

2.13. Về lưu trú, thông báo lưu trú và khai báo tạm vắng

Dự thảo Luật cơ bản giữ nguyên các quy định hợp lý của luật hiện hành liên quan đến lưu trú và thông báo lưu trú. Đối với việc khai báo tạm vắng, dự thảo Luật đã chỉnh lý, quy định rõ các trường hợp cần khai báo tạm vắng bao gồm:

(1) Bị can, bị cáo đang tại ngoại; người bị kết án phạt tù nhưng chưa có quyết định thi hành án hoặc được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù; người bị kết án phạt tù được hưởng án treo đang trong thời gian thử thách; người đang chấp hành phạt cải tạo không giam giữ; người đang bị quản chế; người được tha tù trước thời hạn có điều kiện đang trong thời gian thử thách; người đang chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở chữa bệnh bắt buộc, trường giáo dưỡng nhưng đang được hoãn chấp hành hoặc tạm đình chỉ thi hành khi đi khỏi nơi cư trú từ 01 ngày trở lên có trách nhiệm khai báo tạm vắng.

(2) Người trong độ tuổi làm nghĩa vụ quân sự, dự bị động viên đi khỏi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi mình cư trú từ 03 tháng trở lên có trách nhiệm khai báo tạm vắng.

(3) Công dân đi địa bàn xã thuộc huyện hoặc quận, thị xã thuộc tỉnh, thành phố nơi cư trú từ trên 12 tháng thì phải khai báo tạm vắng.

2.14. Về công tác quản lý nhà nước về cư trú

a) Dự thảo Luật đã cập nhật, quy định rõ trách nhiệm của Bộ Công an trong công tác đăng ký, quản lý cư trú gắn với việc xây dựng, vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cụ thể Bộ Công an có trách nhiệm như sau:

(1) Xây dựng và trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về cư trú.

(2) Chỉ đạo và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về cư trú. Cập nhật thông tin về cư trú vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

(3) Đình chỉ, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền bãi bỏ những quy định về quản lý cư trú trái với quy định của Luật này.

(4) Ban hành các biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về cư trú.

(5) Tổ chức bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác quản lý cư trú.

(6) Thống kê nhà nước về cư trú, tổng kết, nghiên cứu khoa học về quản lý cư trú, tổ chức tuyên truyền, giáo dục pháp luật về cư trú.

(7) Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về cư trú.

(8) Hợp tác quốc tế về quản lý cư trú.

b) Về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong quản lý cư trú:

(1) Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về cư trú tại địa phương.

(2) Chỉ đạo việc phối hợp giữa các cơ quan hữu quan ở địa phương về quản lý cư trú.

(3) Tổ chức tuyên truyền, giáo dục pháp luật về cư trú.

(4) Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về cư trú theo quy định của pháp luật.

c) Về trách nhiệm của cơ quan đăng ký, quản lý cư trú:

(1) Niêm yết công khai, hướng dẫn cơ quan, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về cư trú.

(2) Cập nhật thông tin về nơi cư trú vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

(3) Cấp giấy tờ xác nhận về cư trú theo yêu cầu của công dân.

(4) Quản lý, lưu trữ hồ sơ, tài liệu về đăng ký, quản lý cư trú và bảo mật thông tin về đăng ký cư trú của công dân.

(5) Giải quyết kịp thời kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân liên quan đến cư trú, quản lý cư trú.

d) Về trách nhiệm của người làm công tác đăng ký, quản lý cư trú:

(1) Người làm công tác đăng ký, quản lý cư trú phải được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhiệm vụ được giao.

(2) Người làm công tác đăng ký, quản lý cư trú trong khi thực hiện nhiệm vụ phải có thái độ, lời nói, cử chỉ nghiêm túc, khiêm tốn, hòa nhã; tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, tài liệu có liên quan và giải quyết đúng thời hạn theo quy định của Luật này; trường hợp hồ sơ còn thiếu hoặc chưa đúng thì hướng dẫn cụ thể, đầy đủ bằng văn bản và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc hướng dẫn đó.

2.15. Về hủy bỏ việc đăng ký thường trú, tạm trú trái pháp luật

Dự thảo luật quy định trường hợp cơ quan, người có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký thường trú, tạm trú không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng và điều kiện theo quy định của Luật này thì thủ trưởng cơ quan quản lý cư trú cấp trên trực tiếp có trách nhiệm hủy bỏ việc đăng ký đó. Căn cứ quyết định của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan đã đăng ký thường trú, tạm trú có trách nhiệm thực hiện việc xóa đăng ký thường trú, tạm trú và cập nhật lại nơi đăng ký thường trú, tạm trú trước đó vào Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

2.16. Về Cơ sở dữ liệu về cư trú

Dự thảo luật quy định Cơ sở dữ liệu về cư trú là tài sản quốc gia, được Nhà nước bảo vệ theo quy định của pháp luật về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

Cơ sở dữ liệu về cư trú do Bộ Công an quản lý, là một bộ phận của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, được xây dựng để phục vụ công tác quản lý nhà nước về cư trú.

2.17. Về thu thập, lưu trữ, xử lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng dữ liệu về cư trú

Việc thu thập, lưu trữ, xử lý, bảo vệ dữ liệu về cư trú phải đáp ứng các yêu cầu sau đây: (1) Ứng dụng công nghệ thông tin để thu thập, lưu trữ, xử lý thông tin về cư trú đầy đủ, nhanh chóng, chính xác; bảo đảm an toàn dữ liệu theo đúng nguyên tắc, định dạng hệ cơ sở dữ liệu; (2) Bảo đảm an toàn các thiết bị lưu trữ thông tin, tài liệu về cư trú; (3) Bảo vệ an ninh mạng, an ninh thông tin về cư trú trên mạng máy tính; bảo đảm an toàn thông tin, tài liệu lưu trữ trong cơ sở dữ liệu về cư trú; phòng, chống các hành vi tấn công, xâm nhập nhằm đánh cắp, phá hoại hoặc làm hư hỏng dữ liệu về cư trú.

Việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu về cư trú phải bảo đảm các yêu cầu sau đây: (1) Mọi sự truy nhập đến cơ sở dữ liệu về cư trú để thay đổi thông tin về cư trú của công dân phải được sự phê duyệt của thủ trưởng cơ quan quản lý cư trú; (2) Việc cung cấp, trao đổi thông tin, tài liệu từ cơ sở dữ liệu về cư trú cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân do Bộ trưởng Bộ Công an quy định; (3) Cơ quan, tổ chức, cá nhân không được sao chép, in trái phép thông tin, tài liệu từ cơ sở dữ liệu về cư trú.

2.18. Về khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm

Dự thảo Luật quy định việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật về cư trú được thực hiện theo quy định của Luật này và các quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo. Người nào vi phạm quy định của pháp luật về cư trú thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2.19. Về điều khoản thi hành

Dự thảo Luật bổ sung 01 Điều sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9 Luật Căn cước công dân theo hướng bổ sung 02 trường thông tin mới trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là “nơi tạm trú” và “tình trạng khai báo tạm vắng” để đáp ứng yêu cầu quản lý cư trú đối với công dân. Đồng thời, quy định Luật có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm ...;

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

Trên cơ sở tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp của các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân về dự thảo Luật Cư trú (sửa đổi), Bộ Công an đã chỉnh lý dự thảo Luật.

Tuy nhiên, một số vấn đề còn có ý kiến khác nhau, Bộ Công an xin báo cáo như sau: ... *(Sẽ được bổ sung sau khi tổ chức lấy ý kiến đóng góp về dự thảo Luật)*

Trên đây là Tờ trình về dự án Luật Cư trú (sửa đổi), Bộ Công an xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Luật Cư trú (sửa đổi); (2) Báo cáo đánh giá thủ tục hành chính trong dự án Luật; (3) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý; bản chụp ý kiến góp ý của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; (4) Báo cáo thẩm định; (5) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các thành viên Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, V03 (P3).

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Tô Lâm